

Số: 219/BC-BQLKKT

Kon Tum, ngày 26 tháng 10 năm 2016

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện thông báo kết luận phiên họp thường kỳ tháng 9-2016

Thực hiện Văn bản số 1615/VP-KT ngày 24/10/2016 của Văn phòng UBND tỉnh Kon Tum về việc báo cáo kết quả thực hiện Thông báo kết luận họp phiên thường kỳ tháng 9-2016;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Đánh giá chung

- Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, Ban Quản lý Khu kinh tế luôn báo cáo với UBND tỉnh và thực hiện nghiêm chương trình công tác, các chỉ đạo của UBND tỉnh thuộc lĩnh vực, phạm vi của Ban Quản lý Khu kinh tế.

- BQL khu kinh tế thường xuyên phối hợp làm việc với UBND huyện Ngọc Hồi và các ngành có liên quan để giải quyết những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên báo cáo với UBND tỉnh và các ngành có liên quan về các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án để có biện pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục công trình đúng tiến độ.

- Làm việc với các Sở, ngành chức năng của tỉnh và UBND huyện Ngọc Hồi về việc xem xét, cho ý kiến cụ thể về những vướng mắc và kiến nghị của BQL khu kinh tế trong thực hiện các dự án đầu tư, công tác quản lý đất đai, giới thiệu đất, cho thuê đất và một số nhiệm vụ khác tại khu kinh tế, để báo cáo tham mưu UBND tỉnh xem xét cho ý kiến chỉ đạo.

- Phối hợp với Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh tổ chức quảng bá, kêu gọi đầu tư vào Khu kinh tế.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch 2016

2.1. Vốn đầu tư phát triển và chương trình mục tiêu quốc gia:

- Kế hoạch vốn đầu tư năm 2016: 75,324 tỷ đồng (gồm giao trong năm: 50,769 tỷ đồng; KH năm trước chuyển sang: 13,7 tỷ đồng; nguồn thu cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Hòa Bình: 1,863 tỷ đồng, tạm ứng NS tỉnh 8,992 tỷ). Trong đó:



+ Vốn NSTW hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKTCK: 41,009 tỷ đồng (gồm giao trong năm: 40,769 tỷ đồng; KH năm trước chuyển sang: 0,24 tỷ đồng)

+ Vốn tạm ứng NS tỉnh: 8,992 tỷ đồng¹

+ Đầu tư hạ tầng KCN Hòa Bình giai đoạn I + II: 25,323 tỷ đồng (gồm giao đầu năm: 10 tỷ đồng; KH năm trước chuyển sang: 13,46 tỷ đồng; nguồn thu cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Hòa Bình: 1,863 tỷ đồng)

- Tình hình giải ngân:

+ Giải ngân trong tháng 10: 19,637 triệu đồng

+ Lũy kế giải ngân từ đầu năm đến 20/10/2016: 59,233 tỷ đồng. Trong đó: KKTCK: 41,263 tỷ đồng (trả nợ khối lượng XD CB hoàn thành 6,378 tỷ đồng; thu hồi tạm ứng NSTU 34,391 tỷ đồng; thanh toán từ nguồn tạm ứng 0,494 tỷ đồng); KCN Hòa Bình: 17,970 tỷ đồng.

- **Vốn chưa giải ngân đến 20/10/2016:** 16,091 tỷ đồng.

+ Vốn NSTW hỗ trợ đầu tư hạ tầng KKTCK: 0,24 tỷ đồng.

+ Vốn tạm ứng NS tỉnh: 8,497 tỷ đồng

+ Đầu tư hạ tầng KCN: 7,353 tỷ đồng.

2.2. Tình hình giải ngân vốn sự nghiệp quy hoạch:

- Kế hoạch vốn sự nghiệp được giao (kể cả bổ sung): 1,519 tỷ đồng.

- Lũy kế giải ngân đến 20/10/2015: 0,979 tỷ đồng (đạt 64,45% so với kế hoạch giao).

- Vốn chưa giải ngân đến 20/10/2015: 0,540 tỷ đồng.

3. Công tác quản lý quy hoạch; đất đai và phát triển KKT:

3.1. Quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y:

- Triển khai hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y với quy mô khoảng 15.000ha, theo ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 750-TB/TU ngày 09/10/2014 và UBND tỉnh tại Công văn số 2728/UBND-KTN ngày 21/10/2014.

3.2. Khu công nghiệp Hòa Bình:

Đôn đốc nhà thầu thi công xây lắp hạng mục hệ thống cấp nước Phòng cháy và chữa cháy KCN Hòa Bình (giai đoạn I) và hạng mục Tuyến đường (02 nhánh) đi vào KCN theo đúng tiến độ.

- Phối hợp với Hội đồng đền bù Thành phố Kon Tum triển khai công tác đền bù giải phóng mặt bằng đối với dự án Khu Công nghiệp Hoà Bình (giai đoạn II) tại vị trí phường Ngô Mây, TP Kon Tum.

¹ Thông báo số 49/TB-SKHĐT ngày 16/9/2016 của Sở KHĐT

4. Công tác quản lý, khai thác hạ tầng KCN, KKT.

- Duy trì thường xuyên hoạt động cung cấp nước sạch tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y; công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc hệ thống cây xanh và quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo các hoạt động tại KKTCK.

- Khảo sát một số cơ sở trong KCN Hòa Bình về việc thực hiện các biện pháp, hồ sơ về môi trường để có phương án chấn chỉnh, đôn đốc thực hiện.

- Triển khai khắc phục, sửa chữa các điểm hư hỏng, ngập úng, thường xuyên kiểm tra nạo vét kênh mương thoát nước tránh tình trạng gây ngập úng cục bộ.

- Thường xuyên kiểm tra thực địa tại KKT, KCN nhắc nhở nghiêm túc thực hiện các quy định của nhà nước về quản lý quy hoạch và trật tự xây dựng.

5. Hoạt động tại Cửa khẩu quốc tế Bờ Y:

Hoạt động kiểm tra, kiểm soát và công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y được duy trì thường xuyên. Kết quả các hoạt động XNK, XNC từ 01/01/2016 đến 15/10/2016 như sau:

- Khách xuất, nhập cảnh: 258.733 lượt ; khách XNC vùng biên: 4.259 lượt.

- Phương tiện xuất, nhập cảnh: 26.027 lượt ; Tổng giá trị kim ngạch XNK đạt: 116.373.861 USD.

- Tổng thu ngân sách: 50.554.141.250 đồng.

(Biểu chi tiết kèm theo)

5. Công tác khác

- Triển khai thực hiện tốt việc thu phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu) trong KKT cửa khẩu quốc tế Bờ Y theo Nghị quyết số 61/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh.

Ban quản lý Khu kinh tế báo cáo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH.

16. **TRƯỞNG BAN**
PHÓ TRƯỞNG BAN

VŨ MẠNH HAI

SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG
BAN QUẢN LÝ CỦA KHẨU QUỐC TẾ BỜ Y

(Số liệu từ 01/01/2016 đến 15/10/2016)

	Lĩnh vực	ĐVT	SL từ 16/8/2016 đến 15/9/2016	SL từ 16/9/2016 đến 15/10/2016	Tỷ lệ đạt % tháng 10 so với tháng 9/2016	Số liệu từ 01/1 đến 15/10/2016
I	Hành khách xuất, nhập cảnh	Lượt	24.933	26.487	106,23	258.733
	1. Khách nhập cảnh	Lượt	12.657	13.194	104,24	130.722
	a. Khách Việt nam		11.979	12.585	105,06	124.026
	b. Khách nước ngoài		678	609	89,82	6.696
	2. Khách xuất cảnh	Lượt	12.276	13.293	108,28	128.011
	a. Khách Việt Nam		11.734	12.859	109,59	121.829
	b. Khách nước ngoài		542	434	80,07	6.182
II	Hành khách XNC vùng biên	Lượt	369	240	65,04	4.259
	1. Khách nhập cảnh vùng biên	Lượt	187	108	57,75	2.158
	a. Việt nam		64	57	89,06	1.509
	b. Lào		123	51	41,46	649
	2. Khách xuất cảnh vùng biên	Lượt	182	132	72,53	2.101
	a. Việt Nam		69	75	108,70	1.545
	b. Lào		113	57	50,44	556
III	Phương tiện xuất, nhập cảnh	Lượt	1.745	2.599	148,94	26.027
	1. Phương tiện nhập cảnh	Lượt	919	1.330	144,72	13.427
	a. Phương tiện Việt Nam		513	943	183,82	9.706
	b. Phương tiện nước ngoài		406	387	95,32	3.721
	2. Phương tiện xuất cảnh	Lượt	826	1.269	153,63	12.600
	a. Phương tiện Việt Nam		501	902	180,04	9.106
	b. Phương tiện nước ngoài		325	367	112,92	3.494
IV	Giá trị kim ngạch XNK	USD	8.575.724,84	12.755.997,87	148,75	116.373.861
	1. GTHH xuất khẩu		2.580.365,23	9.403.683,01	364,43	51.530.068
	2. GTHH nhập khẩu		5.995.359,61	3.352.314,86	55,92	64.843.793
	Trong đó HH quá cảnh					-
V	Tổng thu ngân sách	VNĐ	3.548.625.607	7.346.021.372	207,01	50.554.141.250
	1. Thuế XNK, VAT Hải Quan		3.378.364.607	6.562.485.352	194,25	50.976.136.081
	2. Phí kiểm dịch Y tế		97.919.000	93.755.000	95,75	1.067.089.000
	3. Phí kiểm dịch Thực vật		10.892.000	5.937.000	54,51	86.522.000
	4. Phí bến bãi					1.617.178.074
	5. Phí hạ tầng cửa khẩu		53.950.000	678.130.000	1.256,96	732.080.000
	6. Tiền phạt vi phạm hành chính		7.500.000	5.714.020	76,19	105.214.020
VI	Số vụ vi phạm hành chính	Vụ	2	3	150,00	26